ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3630 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án: Sửa chữa Hồ chứa nước Đắk Côn 1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định về quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 11595/SNNMT-KSTL ngày 30/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Sửa chữa Hồ chứa nước Đắk Côn 1;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 832/TTr-SNNMT ngày 02 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Sửa chữa Hồ chứa nước Đắk Côn 1, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa Hồ chứa nước Đắk Côn 1.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại công trình: Công trình phục vụ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: 30 năm.

3. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu

quốc gia về hoạt động xây dựng): Theo Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

4. Địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng: Xã Bù Gia Mập, thành phố Đồng Nai.

- Diện tích sử dụng đất của dự án trong phạm vi công trình hồ chứa nước Đắk Côn 1 hiện hữu.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai.

6. Tên Chủ đầu tư: Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

7. Nhà thầu lập thẩm tra Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Sông Lam, mã số doanh nghiệp: 3800369095.

- Nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Sông Lam, mã số doanh nghiệp: 3800369095.

- Nhà thầu thẩm tra Báo cáo Kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thanh Bình, mã số doanh nghiệp: 3800335787.

8. Mục tiêu đầu tư:

- Tạo nguồn nước cho công tác phòng cháy rừng về mùa khô hạn và dự trữ nguồn nước cho các loài động vật được bảo tồn trong Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

- Tạo cảnh quan môi trường sinh thái rừng quốc gia Bù Gia Mập.

14. Quy mô đầu tư xây dựng: Theo Văn bản số 4827/UBND-KTN ngày 08 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai để thực hiện các công trình khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn thành phố, bao gồm các nội dung như sau:

(1) Nạo vét lòng hồ: Phát dọn cây cỏ trong lòng hồ, tạo các đường thi công đảm bảo vận chuyển đất trong lòng hồ. Đào, nạo vét, vận chuyển diện tích đất, bùn bồi lắng từ cao trình ứng với mực nước dâng bình thường (cao trình +371,33m) xuống cao trình mực nước chết (cao trình +369.00m) với tổng khối lượng đào, nạo vét khoảng 23.892m³, chiều sâu nạo vét trung bình khoảng 1,82m (Tổng diện tích nạo vét lòng hồ bao gồm mái taluy 1,31ha).

- Dung tích nước hồ chứa sau khi sửa chữa ứng với mực nước dâng bình thường (+371,83m) khoảng 35.340m³ (dung tích ứng với mực nước dâng bình thường theo thiết kế ban đầu (+371,33m) là: 25.080m³).

(2) Chống thấm và kè mái lòng hồ thượng lưu đập:

- Thiết kế sân phủ thượng lưu để hạn chế tối đa lưu lượng thấm qua móng đập. Sau khi lòng hồ đã được nạo vét phần diện tích thiết kế sân phủ được đầm chặt đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

- Kết cấu sân phủ đắp đất sét dày 50cm trên lớp bạt HDPE chống thấm dày 1,5mm. Chiều dài theo thân đập 102m, rộng 10m. Đắp sân phủ bằng đầm cóc đạt độ chặt K ≥ 0,95.

- Kè mái gia cố chiều dài 188,8m (vai trái 106,2m, vai phải 82,6m) hai bên bờ thượng lưu đập để đảm bảo ổn định mái đập và tăng cường chống thấm cho thân đập; Chiều cao kè 4m, hệ số mái m=1,5; kết cấu bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 dày 15cm.

(3) Sữa chữa tràn và đỉnh đập:

- Sửa chữa đổ bê tông các vị trí tràn bị bong tróc, kết hợp gia cố đường mặt đập và bãi đậu xe 2 bên hạ lưu đập bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 15cm. Cao trình đỉnh tràn sau sửa chữa là +371,83m.

- Gia cố đường trên mặt đập, bãi lấy nước bằng kết cấu bê tông M250 dày 15cm.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo bảng danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án kèm theo.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án (làm tròn); giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 3.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba tỷ đồng).* Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	2.564.018.596	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	82.753.637	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	227.419.454	đồng.
- Chi phí khác:	67.068.985	đồng
- Chi phí dự phòng:	58.739.328	đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Quỹ Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai năm 2026.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): không.

16. Các nội dung khác: Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 11595/SNNMT-KSTL ngày 30/9/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các bước tiếp theo đúng với quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về các trình tự, thủ tục pháp lý về nội dung của hồ sơ; tuyệt đối không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, gây thất thoát tài sản nhà nước.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung thẩm định; kết luận được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định tại Văn bản số 11575/SNNMT-KSTL ngày 30/9/2026 và các bản vẽ, thuyết minh (đã được ký trình) kèm theo.

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước đối với các nội dung nêu trên theo đúng quy định và thẩm quyền.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, xử lý khó khăn, vướng mắc của Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và xử lý trách nhiệm khi chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 05/TT-BKHĐT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ trưởng Bộ Tài chính) và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Vườn quốc gia Bù Gia Mập, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, KTNS.

Trí-QĐNN12

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Văn Hà

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Đơn vị tính: đồng.

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	**Chi phí xây dựng**	**2.564.018.596**
1.1	*Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công*	*2.536.121.262*
-	Hạng mục: Sửa chữa đập tràn	660.090.457
-	Nạo vét lòng hồ	868.411.114
-	Gia cố mái và sân phủ	1.007.619.691
1.2	*Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công*	*27.897.334*
-	Hạng mục: sửa chữa đập tràn	7.260.995
-	Nạo vét lòng hồ	9.552.522
-	Gia cố mái và sân phủ	11.083.817
2	**Chi phí quản lý dự án**	**82.753.637**
3	**Chi phí tư vấn xây dựng**	**227.419.454**
3.1	*Chi phí khảo sát*	*22.165.843*
3.2	*Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng*	*664.975*
3.3	*Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng*	*902.593*
3.4	*Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật*	*126.476.368*
3.5	*Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế*	*5.751.923*
3.6	*Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán*	*5.569.322*
3.7	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*65.888.430*
4	**Chi phí khác**	**67.068.985**
4.1	*Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng*	*500.000*
4.2	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*8.382.593*
4.3	*Chi phí kiểm toán độc lập*	*30.494.991*

4.4	*Phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III - Nghị định 67/2023/NĐ-CP)*	*27.691.401*
5	**Chi phí dự phòng**	**58.739.328**
5.1	*Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh*	*58.739.328*
	TỔNG CỘNG	**3.000.000.000**

DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

STT	Tên Quy chuẩn/Tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai.	QCVN 04-05: 2022
2	Công trình thủy lợi - thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo Kinh tế kỹ thuật và báo cáo kinh tế - kỹ thuật.	TCVN 12845:2020
3	Tiêu chuẩn Quốc gia – Công trình thủy lợi – thiết kế đập đầm nén;	TCVN 8216:2018
4	Công trình thủy lợi – Quy trình tính toán thủy lực đập tràn	TCVN 9147:2012
5	Kết cấu bê tông và Bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế;	TCVN 5574-2018
6	Tính toán các đặc trưng thuỷ văn thiết kế.	TCVN 13615:2022
7	Tổ chức thi công.	TCVN 4055:2012
8	Công tác đất - Thi công, nghiệm thu.	TCVN 4447-2012
9	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu.	TCVN 9361:2012
10	Tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng từng phần - kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – quy phạm thi công và nghiệm thu.	TCVN 4453:1995
11	Các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành có liên quan	